TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING
KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG NHẬN GIÁ TRỊ CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT - ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Bóng chuyền	Điền kinh	Bóng rổ	Bơi lội	Cầu lông	TD NĐ	Bóng bàn	Bóng đá	Việt võ đạo	Muay thái	Kết quả	Ghi chú
1	1832000104	Nguyễn Ngọc Hà	28/02/1991	LTDH14KQ1		X	X	X							BS 1 TC	
2	1832000320	Trần Thị Kim Phụng	29/09/1996	LTDH14KQ2		X	X								BS 2 TC	
3	2321003348	Nguyễn Thùy Linh	29/11/2004	TH_23DTC03									X		BS 3 TC	
4	2421003692	Nguyễn Thành Đạt	01/11/2003	TH_24DTC03											Đạt	
5	2262106003	Nguyễn Đăng Quân	20/05/1997	22DH2K7-QT1											Đạt	
6	2272110023	Trần Trọng Bình	30/04/1993	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
7	2272110024	Đỗ Thị Mỹ Chinh	01/10/1987	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
8	2272110029	Trương Thị Bích Ngà	31/10/1974	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
9	2272110031	Nguyễn Hồng Nhung	06/08/1982	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
10	2272110037	Huỳnh Anh Phương Thảo	25/01/1993	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
11	2272110040	Cái Thi Thủy	22/09/1982	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
12	2272110042	Lê Thùy Trang	20/05/1984	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
13	2272110043	Trần Thanh Trí	01/05/1992	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
14	2272110046	Ngô Hải Yến	10/05/1994	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
15	2272110047	Phù Thị Ngọc Hiếu	06/01/1981	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
16	2272110048	Lê Thị Thanh Hoàng	04/01/1974	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
17	2272110056	Bạch Thị Thùy Trinh	09/01/1996	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
18	2272110071	Nguyễn Lê Thi	13/04/1992	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
19	2272110080	Nguyễn Thành Trung	13/11/1994	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
20	2272110083	Nguyễn Vũ Hậu Giang	01/09/1981	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
21	2272110088	Trần Thị Nguyệt Tú	17/04/1988	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
22	2272110090	Nguyễn Võ Huệ Anh	08/09/1983	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
23	2272110095	Nguyễn Minh Phương	09/04/1985	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
24	2272110096	Trần Thị Tiến	08/10/1988	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
25	2272110097	Nguyễn Thị Kim Thoa	07/09/1989	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
26	2272110098	Lương Thị Bạch Tuyết	07/08/1986	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
27	2272110100	Lương Chí Dũng	28/04/2000	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
28	2272110102	Lê Thành Trung	16/07/1995	22XDH2K1-TA1.LTT											Đạt	
29	2272110002	Trương Tuấn Anh	20/11/1987	22XDH2K1-TA1.VT											Đạt	
30	2272110003	Phạm Thị Hồng Duyên	12/01/1994	22XDH2K1-TA1.VT											Đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Bóng chuyền	Điền kinh	Bóng rổ	Bơi lội	Cầu lông	TD NĐ	Bóng bàn	Bóng đá	Việt võ đạo	Muay thái	Kết quả	Ghi chú
31	2272110005	Lê Khải Hoàn	01/11/1995	22XDH2K1-TA1.VT											Đạt	
32	2272110008	Nguyễn Khánh Ngân	09/06/1996	22XDH2K1-TA1.VT											Đạt	
33	2272110009	Nguyễn Thế Nghĩa	25/01/1996	22XDH2K1-TA1.VT											Đạt	
34	2272110017	Phan Thị Ngọc Truyền	03/02/1996	22XDH2K1-TA1.VT											Đạt	
35	2272110061	Nguyễn Đức	08/11/1978	22XDH2K1-TA1.VT											Đạt	
36	2272110063	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	21/11/1992	22XDH2K1-TA1.VT											Đạt	
37	2272110065	Đặng Trần Hương Giang	11/12/1994	22XDH2K1-TA1.VT											Đạt	
38	2272110075	Nguyễn Ngọc Sĩ Đan	21/10/1994	22XDH2K1-TA1.VT											Đạt	
39	2272110077	Lê Quỳnh Yến Nhi	25/12/1992	22XDH2K1-TA1.VT											Đạt	
40	2272110086	Hồ Thị Yến Khanh	26/09/1989	22XDH2K1-TA1.VT											Đạt	
41	2272110089	Đoàn Thị Cẩm Nhung	22/10/1995	22XDH2K1-TA1.VT											Đạt	
42	2272110094	Bùi Thị Thu Hà	10/10/1994	22XDH2K1-TA1.VT											Đạt	
43	2363312008	Nguyễn Đức Tuấn	22/05/2001	23CDK19-KQ3		X									BS 3 TC	
44	2363312012	Nguyễn Anh Thư	10/04/2000	23CDK19-KQ3	X	X									BS 2 TC	
45	2363312013	Lê Thị Thanh Trúc	16/06/2001	23CDK19-KQ3	X	X									BS 2 TC	
46	2363312014	Lê Hà Trung	12/01/1999	23CDK19-KQ3	X	X									BS 2 TC	
47	2363312017	Cao Ngọc Bảo Trân	25/12/1997	23CDK19-KQ3											Đạt	
48	2363312020	Trương Khả Tiệp	01/01/2001	23CDK19-KQ3	X	X									BS 2 TC	
49	2363301002	Trần Thị Hằng	17/06/1997	23CDK19-KT3											Đạt	
50	2363301003	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	21/12/1990	23CDK19-KT3	X	X									BS 2 TC	
51	2363301004	Huỳnh Nguyễn Đăng Khoa	12/09/2000	23CDK19-KT3											Đạt	
52	2363301012	Đỗ Thị Phương Thảo	16/06/1993	23CDK19-KT3											Đạt	
53	2363301015	Lê Minh Anh	27/9/2002	23CDK19-KT3											Đạt	
54	2363301022	Nguyễn Ngọc Minh Anh	03/12/1998	23CDK19-KT3	X	X		X							BS 1 TC	
55	2363301023	Lê Hồng Nhung	29/03/1998	23CDK19-KT3	X	X		X							BS 1 TC	
56	2363301024	Nguyễn Thị Tuyết Thảo	13/10/1998	23CDK19-KT3	X	X		X							BS 1 TC	
57	2363301025	Nguyễn Vũ Ngọc Hiền	16/11/2000	23CDK19-KT3	X	X									BS 2 TC	
58	2363301026	Phạm Thị Lệ Hương	04/01/1996	23CDK19-KT3	X	X		X							BS 1 TC	
59	2363301027	Phạm Thị Mỹ Diễm	24/01/1989	23CDK19-KT3											Đạt	
60	2363301028	Đỗ Thị Bảo Trân	28/05/1997	23CDK19-KT3											Đạt	
61	2363301030	Lê Việt Trinh	13/04/1997	23CDK19-KT3	X	X		X							BS 1 TC	
62	2363301031	Lê Thị Tiền Giang	16/08/2000	23CDK19-KT3	X	X									BS 2 TC	
63	2363307002	Lê Thanh Bình	06/10/2001	23CDK19-MA3		X	X								BS 2 TC	
64	2363307003	Võ Thị Thanh Hằng	02/10/1998	23CDK19-MA3		X			X						BS 2 TC	
65	2363307004	Nguyễn Ngọc Hân	09/10/1999	23CDK19-MA3		X		X							BS 2 TC	
66	2363307006	Nguyễn Thanh Lâm	10/02/1998	23CDK19-MA3		X		X							BS 2 TC	
67	2363307008	Trần Hồ Như Quỳnh	24/05/1998	23CDK19-MA3		X			X						BS 2 TC	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Bóng chuyền	Điền kinh	Bóng rổ	Bơi lội	Cầu lông	TD NĐ	Bóng bàn	Bóng đá	Việt võ đạo	Muay thái	Kết quả	Ghi chú
68	2363307009	Phạm Thanh Thiên	15/08/2001	23CDK19-MA3		X		X							BS 2 TC	
69	2363307010	Hà Thị Ngọc Trâm	05/08/2001	23CDK19-MA3		X		X							BS 2 TC	
70	2363307011	Phan Thị Thanh Trúc	18/05/2002	23CDK19-MA3		X		X							BS 2 TC	
71	2363307015	Lương Thùy Trang	15/03/2000	23CDK19-MA3		X		X							BS 2 TC	
72	2363307016	Phạm Hoài Ngọc Huyền	14/12/2000	23CDK19-MA3		X		X							BS 2 TC	
73	2363307017	Nguyễn Võ Hồng Vân	08/05/2002	23CDK19-MA3		X		X							BS 2 TC	
74	2363307021	Nguyễn Hoàng Dạ Uyển	27/04/1999	23CDK19-MA3		X		X							BS 2 TC	
75	2363307022	Huỳnh Thị Phương Hằng	02/06/1991	23CDK19-MA3	X	X		X							BS 1 TC	
76	2363306005	Nguyễn Minh Đức	06/06/2001	23CDK19-QT3		X		X							BS 2 TC	
77	2363306006	Vũ Thị Thúy Hằng	16/07/1993	23CDK19-QT3		X	X	X							BS 1 TC	
78	2363306007	Trần Thị Phương Hiền	08/05/2002	23CDK19-QT3		X		X							BS 2 TC	
79	2363306008	Trần Thị Minh Hiếu	03/03/2000	23CDK19-QT3		X		X							BS 2 TC	
80	2363306010	Phạm Công Nhân	18/08/1984	23CDK19-QT3		X		X							BS 2 TC	
81	2363306011	Nguyễn Yến Nhi	24/07/2000	23CDK19-QT3		X		X							BS 2 TC	
82	2363306014	Trần Thị Quỳnh	14/04/1994	23CDK19-QT3		X	X	X							BS 1 TC	
83	2363306017	Lê Thị Ngọc Thoa	18/08/1999	23CDK19-QT3	X	X									BS 2 TC	
84	2363306019	Phạm Lê Bảo Trâm	06/10/2001	23CDK19-QT3											Đạt	
85	2363306020	Dương Thị Ngọc Trâm	22/08/2000	23CDK19-QT3	X			X							BS 2 TC	
86	2363306021	Nguyễn Trung	05/09/1989	23CDK19-QT3		X		X							BS 2 TC	
87	2363306023	Nguyễn Thanh Vân	03/01/1999	23CDK19-QT3		X		X							BS 2 TC	
88	2363306024	Dương Thị Quỳnh Như	21/12/2002	23CDK19-QT3		X		X							BS 2 TC	
89	2363306027	Trần Ngọc Thúy Vi	09/10/1999	23CDK19-QT3		X			X						BS 2 TC	
90	2363306028	Lê Thị Kiều Oanh	07/7/1991	23CDK19-QT3		X		X							BS 2 TC	
91	2363312018	Nguyễn Thị Hồng Ân	01/12/1999	23CDK19-QT3		X		X							BS 2 TC	
92	2363301010	Nguyễn Thị Yến Nhi	18/01/2001	23CDK19-TC3	X	X									BS 2 TC	
93	2363304001	Nguyễn Hoàng Chiêu Anh	30/08/1998	23CDK19-TC3	X	X									BS 2 TC	
94	2363304002	Trương Thị Duyên	07/02/2000	23CDK19-TC3											Đạt	
95	2363304003	Phạm Thị Mỹ Hạt	09/04/1994	23CDK19-TC3											Đạt	
96	2363304004	La Quang Hiển	15/02/1991	23CDK19-TC3	X	X		X							BS 1 TC	
97	2363304006	Phan Thị Kim Huyền	14/11/1997	23CDK19-TC3	X	X		X							BS 1 TC	
98	2363304007	Đặng Nữ My	11/07/1999	23CDK19-TC3											Đạt	
99	2363304010	Lê Thị Ngọc	02/02/1994	23CDK19-TC3		X	X	X							BS 1 TC	
100	2363304013	Nguyễn Thị Huệ Tâm	16/09/1991	23CDK19-TC3											Đạt	
101	2363304017	Nguyễn Ngọc Thảo Quyên	28/12/1994	23CDK19-TC3											Đạt	
102	2363304019	Phan Hoàng Trung	27/06/1996	23CDK19-TC3	X	X									BS 2 TC	
103	2362312003	Trần Thị Phương Trâm	13/04/1999	23DH2K9-KQ3											Đạt	
104	2362301001	Hoàng Thị Thùy Dung	25/07/1995	23DH2K9-KT3											Đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Bóng chuyền	Điền kinh	Bóng rổ	Bơi lội	Cầu lông	TD NĐ	Bóng bàn	Bóng đá	Việt võ đạo	Muay thái	Kết quả	Ghi chú
105	2362301007	Nguyễn Võ Nhật Hà	30/06/2001	23DH2K9-KT3											Đạt	
106	2362307001	Phạm Thùy Dung	04/12/1996	23DH2K9-MA3											Đạt	
107	2362307003	Vũ Lan Phương	07/10/2001	23DH2K9-MA3											Đạt	
108	2362210068	Trương Kim Phụng	04/04/1994	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
109	2362210069	Nguyễn Thanh Tuấn	08/04/1990	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
110	2362210070	Nguyễn Thành Nguyên	05/12/1989	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
111	2362210071	Nguyễn Lê Thái Sơn	11/10/2000	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
112	2362210072	Phạm Trần Bảo Trân	16/08/1996	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
113	2362210075	Nguyễn Ngọc Oanh Kiều	08/12/1999	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
114	2362210076	Trần Thanh Quế Trân	16/04/1989	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
115	2362310001	Trần Thị Diễm Ái	21/07/1997	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
116	2362310002	Nguyễn Thị Thúy An	24/06/1988	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
117	2362310003	Huỳnh Thị Cam	12/05/1988	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
118	2362310005	Đỗ Phú Cường	12/03/1997	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
119	2362310007	Lê Đỗ Ngọc Đỉnh	13/02/1990	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
120	2362310009	Nguyễn Thanh Hiếu	04/11/1988	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
121	2362310010	Trịnh Thị Hồng	01/07/1982	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
122	2362310015	Huỳnh Minh Luân	16/10/1996	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
123	2362310019	Nguyễn Văn Nhàn	12/09/1994	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
124	2362310020	Nguyễn Quốc Phong	12/04/1989	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
125	2362310021	Nguyễn Ngọc Phúc	25/11/1988	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
126	2362310022	Đinh Văn Phương	10/03/1988	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
127	2362310023	Nguyễn Trường Sang	07/12/1994	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
128	2362310026	Đoàn Thanh Phương Tuyền	05/08/1996	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
129	2362310027	Nguyễn Hoàng Tỷ	01/01/1991	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
130	2362310028	Nguyễn Thanh Tỷ	01/01/1988	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
131	2362310029	Huỳnh Kim Thía	10/06/1986	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
132	2362310030	Nguyễn Trần Anh Thoại	01/02/1995	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
133	2362310032	Huỳnh Thị Thanh Trúc	24/10/1992	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
134	2362310033	Trần Hữu Vinh	04/08/1998	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
135	2362310035	Trần Kỳ Quốc Tuấn	14/02/1982	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
136	2362310036	Lê Thị Diễm Trinh	02/07/1989	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
137	2362310037	Trần Hữu Phú	22/09/1997	23DH2K9-TA2.AG											Đạt	
138	2362210038	Trần Chí Dũng	25/08/1975	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
139	2362210042	Huỳnh Minh Hiếu	31/07/1985	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
140	2362210043	Nguyễn Phát Đạt	18/07/1985	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
141	2362210044	Nguyễn Thanh Phong	24/02/1984	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Bóng chuyền	Điền kinh	Bóng rổ	Bơi lội	Cầu lông	TD NĐ	Bóng bàn	Bóng đá	Việt võ đạo	Muay thái	Kết quả	Ghi chú
142	2362210046	Trần Trang Nhã Tiên	14/01/1998	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
143	2362210048	Phạm Thị Bích	17/04/1985	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
144	2362210049	Nguyễn Văn Hiếu	01/02/1992	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
145	2362210050	Trần Tử Lang	29/08/1988	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
146	2362210051	Lê Thị Bích Diệp	09/11/1982	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
147	2362210052	Huỳnh Thị Ngọc Trang	27/07/1989	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
148	2362210058	Hồ Thanh Mai	08/04/2000	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
149	2362210060	Nguyễn Văn Hiến	29/05/1977	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
150	2362210061	Bùi Thị Thùy	15/02/1985	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
151	2362210062	Hà Thị Thanh	03/12/1978	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
152	2362210063	Hoàng Thị Ái Hằng	04/10/1983	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
153	2362210078	Cao Quốc Bình	09/02/1981	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
154	2362210080	Nguyễn Thụy Tuyết Trinh	12/01/1985	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
155	2362210085	Trần Hùng Lộc	22/01/1992	23DH2K9-TA2.Q7		X		X							BS 2 TC	BS bảng điểm học GDTC của CĐ hoặc ĐH để xét lại
156	2362210089	Hồ Thanh Thúy	25/09/1991	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
157	2362210090	Lê Thị Huyền Trang	30/06/1988	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
158	2362210092	Nguyễn Đoàn Đăng Quang	30/11/1984	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
159	2362210093	Lê Hà Thiên Ấn	29/08/1985	23DH2K9-TA2.Q7		X	X	X							BS 1 TC	BS bảng điểm học GDTC của ĐH để xét lại
160	2362210097	Nguyễn Ngọc Út	25/09/1976	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
161	2362210098	Nguyễn Thị Hồng Nga	30/12/1982	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
162	2362210099	Phan Võ Lâm Giang	21/11/1979	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
163	2362210102	Châu Tuấn Cường	09/01/1999	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
164	2362210103	Nguyễn Thị Hoài Thanh	01/04/1980	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
165	2362210106	Nguyễn Thị Thanh Hoa	02/10/1993	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
166	2362210109	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	28/12/1982	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
167	2362210112	Hồ Thanh Bảo	07/03/1996	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
168	2362210116	Bùi Đăng Hải Sơn	07/05/1984	23DH2K9-TA2.Q7											Đạt	
169	2362304002	Trần Khánh Hoàng	31/07/1997	23DH2K9-TC3											Đạt	
170	2361307003	Đặng Ngọc Đăng	07/02/2003	23DHK19-MA3.H1											Đạt	
171	2361304013	Lê Đình Hạnh	06/12/1994	23DHK19-TC3											Đạt	
172	2372110013	Nguyễn Thị Bích Trâm	17/08/1994	23XDH2K2.TA1											Đạt	
173	2372110014	Lê Thị Thủy Tâm	20/07/1999	23XDH2K2.TA1											Đạt	
174	2372110016	Phạm Nam Phương	28/04/2000	23XDH2K2.TA1											Đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Bóng chuyền	Điền kinh	Bóng rổ	Bơi lội	Cầu lông	TD NĐ	Bóng bàn	Bóng đá	Việt võ đạo	Muay thái	Kết quả	Ghi chú
175	2372110017	Võ Thị Mỹ Hạ	28/07/1998	23XDH2K2.TA1											Đạt	
176	2372110020	Phạm Lê Quốc Trạng	10/12/1993	23XDH2K2.TA1											Đạt	
177	2372110022	Trần Ngọc Anh Thư	08/07/2001	23XDH2K2.TA1											Đạt	
178	2372110023	Nguyễn Thành Lâm	20/10/1987	23XDH2K2.TA1											Đạt	
179	2372110024	Võ Đình Dũng	29/07/1980	23XDH2K2.TA1											Đạt	
180	2372110025	Nguyễn Phương Huyền	25/08/1981	23XDH2K2.TA1											Đạt	
181	2372110029	Lê Thị Lệ Huyền	04/03/1989	23XDH2K2.TA1											Đạt	
182	2372110031	Đặng Lê Mạnh Tiến	14/08/1999	23XDH2K2.TA1											Đạt	
183	2372110032	Lê Minh Phong	17/01/1982	23XDH2K2.TA1											Đạt	
184	2372110033	Trần Ngọc Chung	28/11/1985	23XDH2K2.TA1											Đạt	
185	2372110034	Nguyễn Thị Như Thúy	22/06/1983	23XDH2K2.TA1											Đạt	
186	2372110038	Nguyễn Phan Mai Khoa	06/06/1986	23XDH2K2.TA1											Đạt	
187	2372110040	Bạch Long Phi	12/09/1995	23XDH2K2.TA1											Đạt	
188	2372910002	Nguyễn Thị Kim Cương	19/06/1990	23XDH2K2.TA1.AG											Đạt	
189	2372910003	Nguyễn Thị Tuyết Dung	18/11/1990	23XDH2K2.TA1.AG											Đạt	
190	2372910004	Lương Phan Minh Duy	21/09/1997	23XDH2K2.TA1.AG											Đạt	
191	2372910005	Nguyễn Thị Tuyết Mai	15/01/1989	23XDH2K2.TA1.AG											Đạt	
192	2372910006	Nguyễn Thị Thúy Nga	01/07/1991	23XDH2K2.TA1.AG											Đạt	
193	2372910007	Nguyễn Văn Nhỏ	19/01/1989	23XDH2K2.TA1.AG											Đạt	
194	2372910008	Lê Minh Anh Tuấn	05/10/2000	23XDH2K2.TA1.AG											Đạt	
195	2372910010	Huỳnh Hữu Thành	20/09/1993	23XDH2K2.TA1.AG											Đạt	
196	2372910011	Lê Thị Thắm	14/03/1990	23XDH2K2.TA1.AG											Đạt	
197	2372910012	Điêu Công Thịnh	27/10/2000	23XDH2K2.TA1.AG											Đạt	
198	2463212001	Nguyễn Thanh Tùng	04/01/1992	24V.CKQ20.2NK											Đạt	
199	2463212002	Vũ Duy Ân	27/11/2002	24V.CKQ20.2NK	X	X									BS 1 TC	BS bảng điểm học GDTC của ĐH để xét lại
200	2463212006	Huỳnh Thanh Nhanh	03/12/1994	24V.CKQ20.2NK											Đạt	
201	2463212007	Trương Thị Thùy Dương	21/01/2001	24V.CKQ20.2NK	X	X									BS 1 TC	
202	2463212008	Nguyễn Thị Diễm Châu	21/01/2001	24V.CKQ20.2NK	X	X									BS 1 TC	
203	2463212014	Nguyễn Hoàng Quân	28/09/1999	24V.CKQ20.2NK		X	X								BS 1 TC	
204	2463212021	Nguyễn Hồng Nhung	20/10/1996	24V.CKQ20.2NK	X	X									BS 1 TC	
205	2463212022	Võ Thúy Hằng	04/05/2001	24V.CKQ20.2NK											Đạt	
206	2463212024	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	30/08/1999	24V.CKQ20.2NK	X	X									BS 1 TC	
207	2463101002	Ngô Trung Đức	26/09/1996	24V.CKT1.1NK	X	X									BS 1 TC	
208	2463101004	Lương Thị Tú Mai	13/08/2002	24V.CKT1.1NK	X	X									BS 1 TC	
209	2463101005	Võ Kim Phụng	10/01/1997	24V.CKT1.1NK											Đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Bóng chuyền	Điền kinh	Bóng rổ	Bơi lội	Cầu lông	TD NĐ	Bóng bàn	Bóng đá	Việt võ đạo	Muay thái	Kết quả	Ghi chú
210	2463101007	Phạm Thị Bích Ri	09/07/1999	24V.CKT1.1NK	X	X									BS 1 TC	
211	2463101008	Nguyễn Hữu Tài	16/02/1991	24V.CKT1.1NK											Đạt	
212	2463101009	Trần Anh Tuấn	04/12/1993	24V.CKT1.1NK											Đạt	
213	2463101010	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	22/04/2002	24V.CKT1.1NK	X	X									BS 1 TC	
214	2463101011	Nguyễn Thị Từ	17/11/1994	24V.CKT1.1NK	X	X									BS 1 TC	
215	2463101012	Trần Thị Ngọc Thạch	11/01/1981	24V.CKT1.1NK											Đạt	
216	2463101015	Đỗ Võ Huyền Trân	21/04/2001	24V.CKT1.1NK	X	X									BS 1 TC	
217	2463101016	Phạm Thị Huyền Trân	01/04/1999	24V.CKT1.1NK	X	X									BS 1 TC	
218	2463101018	Trần Lệ Xuân	11/12/1997	24V.CKT1.1NK											Đạt	
219	2463101019	Đồng Nguyễn Phương Duy	10/12/1993	24V.CKT1.1NK											Đạt	
220	2463101020	Lê Thị Ngọc Huyền	20/01/1997	24V.CKT1.1NK											Đạt	
221	2463101022	Vũ Phạm Tường Vi	10/11/2003	24V.CKT1.1NK	X	X									BS 1 TC	
222	2463301002	Nguyễn Thị Vui Mừng	21/11/1990	24V.CKT20.3NK											Đạt	
223	2463301006	Nguyễn Thị Minh Trang	16/10/1997	24V.CKT20.3NK											Đạt	
224	2463301007	Nguyễn Thị Phương Trinh	09/09/1998	24V.CKT20.3NK	X	X									BS 1 TC	
225	2463301010	Đinh Thùy Linh	05/11/1993	24V.CKT20.3NK											Đạt	
226	2463301013	Nguyễn Thị Yến Vi	25/12/1998	24V.CKT20.3NK	X	X									BS 1 TC	
227	2463301014	Bùi Thị Hân Vy	27/07/2003	24V.CKT20.3NK	X	X									BS 1 TC	
228	2463301015	Vạn Thị Đớm	05/11/1988	24V.CKT20.3NK	X	X									BS 1 TC	
229	2463301019	Nguyễn Thị Thúy Bình	03/09/1998	24V.CKT20.3NK											Đạt	
230	2463301020	Nguyễn Thị Ái Khanh	06/12/2000	24V.CKT20.3NK	X	X									BS 1 TC	
231	2463301027	Đặng Thị Thanh Thúy	23/11/1997	24V.CKT20.3NK											Đạt	
232	2463301031	Lê Thị Trâm Anh	12/04/1997	24V.CKT20.3NK											Đạt	
233	2463301033	Nguyễn Thị Kim Dung	06/05/1996	24V.CKT20.3NK	X	X									BS 1 TC	
234	2463301034	Huỳnh Xuân Đông	01/01/1993	24V.CKT20.3NK	X	X									BS 1 TC	
235	2463301035	Nguyễn Thị Hồng Khánh	11/12/1987	24V.CKT20.3NK											Đạt	
236	2463301036	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	19/06/2002	24V.CKT20.3NK	X	X									BS 1 TC	
237	2463301038	Nguyễn Thị Minh Thư	31/08/2001	24V.CKT20.3NK	X	X									BS 1 TC	
238	2463301042	Nguyễn Thái Thảo Ly	15/09/2002	24V.CKT20.3NK		X			X						BS 1 TC	
239	2463301043	Giang Thị Kiều Diễm	03/05/2001	24V.CKT20.3NK	X	X									BS 1 TC	
240	2463301045	Trịnh Thị Thanh Ngân	10/10/2004	24V.CKT20.3NK	X	X									BS 1 TC	
241	2463301046	Lê Thị Phương Thảo	24/05/2003	24V.CKT20.3NK	X	X									BS 1 TC	
242	2463301047	Nguyễn Thị Trà My	18/08/2000	24V.CKT20.3NK	X	X									BS 1 TC	
243	2463301048	Đồng Thị Lợi	24/06/2001	24V.CKT20.3NK	X	X									BS 1 TC	
244	2463301049	Trần Trương Diễm Phúc	02/12/1994	24V.CKT20.3NK											Đạt	
245	2463301050	Quách Thị Linh	10/10/2000	24V.CKT20.3NK		X		X							BS 1 TC	
246	2463306011	Phạm Lê Thảo Vy	12/11/2003	24V.CKT20.3NK	X	X									BS 1 TC	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Bóng chuyền	Điền kinh	Bóng rổ	Bơi lội	Cầu lông	TD NĐ	Bóng bàn	Bóng đá	Việt võ đạo	Muay thái	Kết quả	Ghi chú
247	2463102001	Lê Văn Ba	27/09/1997	24V.CMA1.1NK	X										BS 2 TC	
248	2463102002	Bế Thị Duyên	17/11/2000	24V.CMA1.1NK	X	X									BS 1 TC	
249	2463102005	Phạm Thanh Hằng	15/10/1992	24V.CMA1.1NK	X										BS 2 TC	
250	2463102007	Lê Văn Lợi	06/10/2003	24V.CMA1.1NK	X	X									BS 1 TC	
251	2463102010	Phạm Thị Thanh Ngân	12/02/2002	24V.CMA1.1NK	X	X									BS 1 TC	
252	2463102011	Lưu Trần Phương Nguyên	15/10/2003	24V.CMA1.1NK	X	X									BS 1 TC	
253	2463102012	Lê Nguyễn Phương Nhi	01/08/2002	24V.CMA1.1NK	X	X									BS 1 TC	
254	2463102013	Nguyễn Thị Nhơn	21/08/2001	24V.CMA1.1NK		X							X		BS 1 TC	
255	2463102014	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	28/11/1992	24V.CMA1.1NK											Đạt	
256	2463102019	Nguyễn Thị Hoài Thương	18/03/2003	24V.CMA1.1NK	X	X									BS 1 TC	
257	2463102022	Võ Nữ Hoàng Trinh	21/12/2003	24V.CMA1.1NK	X	X									BS 1 TC	
258	2463102023	Trần Thị Hồng Vân	02/04/1994	24V.CMA1.1NK											Đạt	
259	2463102024	Nguyễn Thị Như Khánh	22/12/1995	24V.CMA1.1NK											Đạt	
260	2463102025	Nguyễn Thị Thu Ngân	17/5/2001	24V.CMA1.1NK											Đạt	
261	2463102027	Phan Thị Hoài Lam	13/10/1999	24V.CMA1.1NK	X	X									BS 1 TC	
262	2463102028	Lê Nguyễn Mai	05/11/2002	24V.CMA1.1NK	X	X									BS 1 TC	
263	2463102029	Trương Thị Anh Thư	13/11/2001	24V.CMA1.1NK	X	X									BS 1 TC	
264	2463102030	Lê Thị Tố Quyên	26/7/1993	24V.CMA1.1NK											Đạt	
265	2463102031	Lục Tiểu Vy	29/7/2003	24V.CMA1.1NK	X	X									BS 1 TC	
266	2463102032	Võ Thanh Huy	03/5/2002	24V.CMA1.1NK	X	X									BS 1 TC	
267	2463102033	Huỳnh Thái Bảo	05/8/2003	24V.CMA1.1NK	X	X									BS 1 TC	
268	2463106014	Ngô Thị Yến Nhi	10/09/2003	24V.CMA1.1NK	X	X									BS 1 TC	
269	2463307007	Phạm Thị Thùy Trang	15/03/2003	24V.CMA20.3NK	X	X									BS 1 TC	
270	2463307008	Ngô Thị Thành Hiếu	18/12/1994	24V.CMA20.3NK											Đạt	
271	2463307012	Lữ Phạm Định Nguyên	26/06/2003	24V.CMA20.3NK	X	X									BS 1 TC	
272	2463307045	Nguyễn Huỳnh Như	26/03/2003	24V.CMA20.3NK	X	X									BS 1 TC	
273	2463307055	Vương Thị Cẩm Duyên	20/10/2002	24V.CMA20.3NK	X	X									BS 1 TC	
274	2463307056	Hoàng Thị Linh Nhi	05/08/2003	24V.CMA20.3NK	X	X									BS 1 TC	
275	2463307057	Trần Ngọc Minh Thư	29/06/2003	24V.CMA20.3NK	X	X									BS 1 TC	
276	2463307061	Nguyễn Văn Vũ	01/01/2001	24V.CMA20.3NK	X	X									BS 1 TC	
277	2463106006	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	01/11/1996	24V.CQT1.1NK	X	X									BS 1 TC	
278	2463106012	Võ Nguyệt Minh	11/05/2004	24V.CQT1.1NK	X										BS 2 TC	
279	2463106030	Thái Thị Tâm	10/6/2000	24V.CQT1.1NK	X	X									BS 1 TC	
280	2463106034	Ngô Thị Trà My	20/11/1999	24V.CQT1.1NK	X	X									BS 1 TC	
281	2463306002	Nguyễn Thị Kim Ngọc	07/03/1989	24V.CQT20.3NK											Đạt	
282	2463306024	Trần Phương Thanh Thảo Vy	25/12/1999	24V.CQT20.3NK	X	X									BS 1 TC	
283	2462101006	Nguyễn Lê Phượng Uyên	10/10/2001	24V.DKT1.1NK											Đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Bóng chuyền	Điền kinh	Bóng rổ	Bơi lội	Cầu lông	TD NĐ	Bóng bàn	Bóng đá	Việt võ đạo	Muay thái	Kết quả	Ghi chú
284	2462102002	Nguyễn Tiến Hùng	11/8/2001	24V.DMA1.1NK											Đạt	
285	2462102004	Võ Thị Lý	21/4/2001	24V.DMA1.1NK											Đạt	
286	2462407004	Phạm Thị Thanh Thúy	01/08/1999	24V.DMA10.4NK											Đạt	
287	2462106001	Nguyễn Hồ Phi Loan	05/7/2000	24V.DQT1.1NK											Đạt	
288	2462106002	Phạm Thị Huỳnh Nhi	14/6/1996	24V.DQT1.1NK											Đạt	
289	2461307210	Lê Ngô Hồng Ngọc	20/04/1999	24V.PMA20.3H3											Đạt	
290	2461306007	Đặng Thị Trúc Mai	27/03/1998	24V.PQT20.3H											Đạt	
291	2461306004	Phan Thành Lâm	05/01/1998	24V.PQT20.3NK											Đạt	
292	2461306023	Chu Thị Vân Anh	09/05/2002	24V.PQT20.3NK											Đạt	
293	2461304001	Hồ Thị Thúy An	14/04/1996	24V.PTC20.3NK											Đạt	
294	2162308056	Trần Thị Thủy Tiên	20/07/1993	CDK17NHTN	X	X									BS 2 TC	
295	2163308011	Huỳnh Minh Hiếu	11/01/1995	DH2_K6NHTN											Đạt	
296	2263110021	Nguyễn Văn Thành	20/12/1982	DH2_K7TALTT1											Đạt	

Tổng số sinh viên theo danh sách: 296 (Hai trăm chín mươi sáu).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

NGƯỜI LẬP

KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT